TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Bà Đoàn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Không có tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Trần Sơn C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C kết hôn với nhau năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, hôn nhân do cha mẹ hai bên định định. Vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn nguyên

nhân là do anh C mỗi lần đi ghe biển về nhà là lo ăn nhậu rồi kiếm chuyện đánh đập chị, sự việc cũng được cha mẹ hai bên dần xếp nhưng cũng không đem lại kết quả, từ đó vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Sơn C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 10/5/2019 và biên bản hòa giải ngày 30/5/2019 bị đơn anh Trần Sơn C trình bày: Anh thừa nhận theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị M về hôn nhân, về con chung, về tài san và nợ chung nêu trên là đúng hoàn toàn.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là vào tết nguyên đán năm 2018, vợ chồng có cự cải nhau trong lúc anh có uống rượu say nên có chửi chị M chứ không có đánh chị lần nào rồi từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến. Trong thời gian qua anh cũng có đến xin lỗi chị M để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị M không đồng ý và bỏ đi đâu anh cũng không biết.

Theo yêu cầu của chị M thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Sơn C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Sơn C được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Sơn C.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 160, ngày 28/12/2017 nên hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng về chung sống được 01 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cải nhau, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Sự việc cũng được cha mẹ hai bên dần xếp nhưng cũng không đem lại kết quả và tại phiên hòa giải và cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M vẫn một mực kiên quyết ly hôn với anh Sơn C.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M xử cho chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C được ly hôn.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Sơn C thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001738 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên. Vậy chị M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị M có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2019). Đối với anh C vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm